

Bản án số: **22/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 23-9-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh và bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thê - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2025/QĐST-DS, ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị N, sinh năm 2002 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ trước khi sáp nhập: Thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông).

- Bị đơn: Anh Bàn Văn H, sinh năm 1997 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H C, xã C, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ trước khi sáp nhập: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Nông)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trương Thị N trình bày:

Chị Trương Thị N và anh Bàn Văn H chung sống như vợ chồng từ năm 2018, đến năm 2020 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Đắk Nông, việc đăng ký kết hôn là tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối. Chị N và anh H có 2 con chung là Bàn Ngọc T, sinh ngày 13/6/2019 và cháu Bàn Ngọc N1, sinh ngày 02/10/2021, hiện nay các cháu đang sống cùng anh H. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có xảy ra cãi vã, xô xát nhưng không đáng kể, từ năm 2023 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, nguyên nhân là do anh **H thay đổi tính nết, không quan tâm, chăm sóc gia đình, không tu chí làm ăn, ham chơi, cá độ, bài bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm lẫn nhau và cũng xảy xô xát, chị N đã nhiều lần bỏ qua cho anh H và quay về tiếp tục chung sống nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn bế tắc, không thể hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung**. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng cuối năm 2023 đến nay, chị N nhận thấy không còn tình cảm yêu thương với anh H, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không còn duy trì vì vậy, chị N khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9- Lâm Đồng giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Bàn Văn H, về con chung: Chị N đồng ý giao hai con chung là Bàn Ngọc T, sinh ngày 13/6/2019 và cháu Bàn Ngọc N1, sinh ngày 02/10/2021 cho anh H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung theo mức là 1.000.000đồng/tháng/người con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 22/9/2025, chị Trương Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như nội dung đã trình bày.

2. Đối với bị đơn anh Bàn Văn H:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Bàn Văn H nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị

đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với tất cả các đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Trương Thị N yêu cầu ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn với anh Bàn Văn H, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Bàn Văn H hiện đang cư trú tại thôn H C, xã C, tỉnh Lâm Đồng (trước đây là thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Nông). Nên Tòa án nhân dân huyện Cư Jút nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Lâm Đồng thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị N và anh Bàn Văn H chung sống như vợ chồng từ năm 2018, tại thời điểm sống chung chị N đã trên 16 tuổi, việc chung sống là tự nguyện, không bị ép buộc. Năm 2020, khi chị N đủ tuổi theo quy định của pháp luật mới đăng ký kết hôn, việc đăng ký kết hôn và chung sống là tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc, do đó hôn nhân giữa chị N và anh H là hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Chị N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc xin ly hôn là do anh **H không quan tâm, chăm sóc gia đình, không tu chí làm ăn, ham chơi, cá độ, bài bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm lẫn nhau và cũng xảy ra xô xát, chị N đã nhiều lần bỏ qua cho anh H để tiếp tục chung sống nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn bế tắc, không thể hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung.**

Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng cuối năm 2023 đến nay. Tại biên bản làm việc ngày 08/8/2025, ghi nhận ý kiến của bà Bàn Thị P là mẹ của anh H thể hiện: Trong thời gian chị N và anh H chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị N không biết chăm lo cho gia đình, ham chơi, lười lao động, chê bai cuộc sống gia đình chồng khó khăn, thường xuyên nói dối về nhà bố mẹ, chị N ghen tuông vô cớ nên vợ chồng chửi bới, xô xát với nhau. Từ khoảng tháng 11 năm 2023 đến nay, chị N bỏ nhà đi, cắt đứt liên lạc với gia đình chồng, không về thăm con, không gửi tiền để nuôi con.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh H là trầm trọng, vợ chồng không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đời sống chung không còn duy trì, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị N.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Bàn Ngọc T, sinh ngày 13/6/2019 và cháu Bàn Ngọc N1, sinh ngày 02/10/2021. Mặc dù anh H không đến Tòa án để làm việc, không đưa ra quan điểm, ý kiến về quyền được nuôi con khi ly hôn, nhưng xét thấy các con chung hiện đang sống cùng anh H (do mẹ anh H trực tiếp nuôi dưỡng), chị N cũng đồng ý giao các con cho anh H nuôi dưỡng. Do đó việc giao các con chung là Bàn Ngọc T, sinh ngày 13/6/2019 và cháu Bàn Ngọc N1, sinh ngày 02/10/2021 cho anh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung theo mức là 1.000.000đồng/tháng/người con là phù hợp với quy định tại các Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4]. Về chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5]. Về án phí: Chị Trương Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tại phiên toà là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị N được ly hôn với anh Bàn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Bàn Ngọc T, sinh ngày 13/6/2019 và cháu Bàn Ngọc N1, sinh ngày 02/10/2021 cho anh Bàn Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Trương Thị N được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị Trương Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Bàn Ngọc T, sinh ngày 13/6/2019 và cháu Bàn Ngọc N1, sinh ngày 02/10/2021. Mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng/người con. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 và Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trương Thị N phải nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005450 ngày 10/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Chị Trương Thị N phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 9-Lâm Đồng;
- Phòng **THADS Khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng;**
- UBND xã Cư Jút.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Huệ